

KẾ HOẠCH

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Thực hiện Điều 34 Luật Đất đai năm 2013; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, UBND Thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Mục đích kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 nhằm đánh giá chính xác thực trạng sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, thành phố; làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các cấp, nhất là việc lập, điều chỉnh, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2021 – 2030, là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Việc đánh giá đúng hiện trạng sử dụng đất càng có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của Thủ đô.

2. Yêu cầu

Việc kiểm kê đất đai phải xác định được đầy đủ số liệu về diện tích đất tự nhiên của các cấp hành chính trong năm 2019; như sau:

a) Loại đất kiểm kê bao gồm các loại đất theo quy định tại Điều 10 của Luật Đất đai năm 2013; diện tích các loại đối tượng đang sử dụng đất, đối tượng đang quản lý đất theo quy định tại Điều 5, Điều 8 của Luật đất đai 2013. Trong đó, kiểm kê chi tiết các loại đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

b) Diện tích đất ngập nước, đất khu bảo tồn thiên nhiên, đất cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 16 và Điều 35 của Luật Đa dạng sinh học.

c) Tình hình sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp sử dụng; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại;

đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

d) Việc kiểm kê đất đai năm 2019 phải đánh giá được thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất; tình hình biến động đất đai trong 5 năm qua của từng quận, huyện, thị xã và toàn Thành phố; nhất là việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc chấp hành pháp luật đất đai của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất; làm rõ nguyên nhân hạn chế, tồn tại; đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật đất đai và các tăng cường quản lý, sử dụng đất để khắc phục hạn chế, tồn tại hiện nay.

II. Phạm vi

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được tiến hành trên phạm vi toàn Thành phố theo từng cấp hành chính, trong đó cấp xã là đơn vị cơ bản tiến hành kiểm kê đất đai; kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện, thành phố.

Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; Bộ tư lệnh Thủ đô, Công an Thành phố có trách nhiệm gửi kết quả kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND Thành phố báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định.

III. Nguyên tắc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

1. Loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất và các chỉ tiêu khác được kiểm kê phải theo đúng hiện trạng tại thời điểm kiểm kê (theo Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019), trừ trường hợp quy định tại mục 2 và mục 4.

2. Trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng tại thời điểm thống kê, kiểm kê chưa sử dụng đất theo quyết định thì thống kê, kiểm kê theo loại đất, loại đối tượng sử dụng đất ghi trong quyết định; đồng thời phải thống kê, kiểm kê theo hiện trạng sử dụng vào biểu riêng (các biểu 05/TKĐĐ và 05a/TKĐĐ) để theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật đất đai; trừ trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất nhưng chưa được bàn giao đất trên thực địa vẫn được thống kê, kiểm kê theo hiện trạng sử dụng.

3. Trường hợp mục đích sử dụng đất hiện trạng đã thay đổi khác với mục đích sử dụng đất trên hồ sơ địa chính thì kiểm kê theo hiện trạng đang sử dụng, đồng thời kiểm kê theo mục đích được ghi trên hồ sơ địa chính và tổng hợp các trường hợp này vào biểu riêng (các Biểu 06/TKĐĐ và 06a/TKĐĐ) để kiểm tra, thanh tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo quy

định tại Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì vẫn thống kê, kiểm kê theo loại đất trồng lúa; đồng thời kiểm kê diện tích đất trồng lúa đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng vào biểu riêng (Biểu 02a/TKĐĐ).

5. Trường hợp đất đang sử dụng vào nhiều mục đích thì ngoài việc thống kê, kiểm kê theo mục đích sử dụng đất chính, còn phải thống kê, kiểm kê thêm theo mục đích sử dụng đất kết hợp vào biểu riêng (Biểu 07/TKĐĐ). Mục đích sử dụng đất chính được xác định theo quy định tại Điều 11 của Luật Đất đai và Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

6. Số liệu kiểm kê đất đai định kỳ được tổng hợp từ kết quả điều tra, khoan vẽ, lập bản đồ kiểm kê đất đai đối với toàn bộ diện tích trong phạm vi địa giới hành chính của đơn vị kiểm kê.

Số liệu thống kê đất đai hàng năm được tổng hợp từ bản đồ kiểm kê đất đai đã được chỉnh lý đối với các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai trong năm thống kê theo quy định.

7. Diện tích các khoanh đất tính trên bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã theo đơn vị mét vuông (m^2); số liệu diện tích trên các biểu thống kê, kiểm kê đất đai thể hiện theo đơn vị héc-ta (ha); được làm tròn số đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy (0,01 ha) đối với cấp xã, làm tròn số đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy (0,1 ha) đối với cấp huyện và làm tròn số đến 01 ha đối với cấp tỉnh và cả nước.

IV. Thời điểm kiểm kê và thời hạn hoàn thành

1. Thời điểm triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 01/8/2019. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Thời điểm hoàn thành và nộp báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành và nộp báo cáo kết quả lên Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành và nộp báo cáo kết quả lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thành và nộp báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 4 năm 2020;

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ

Công an rà soát các địa điểm và diện tích đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về số liệu thống kê, kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh ở địa phương.

V. Tổ chức thực hiện

1. Thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác giúp việc ban chỉ đạo kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của Thành phố.

a) Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do đồng chí Phó chủ tịch UBND Thành phố làm trưởng ban; đồng chí Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm phó ban thường trực, thành viên ban chỉ đạo gồm lãnh đạo các sở, ngành: Nội vụ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Cục Thống kê Thành phố.

b) Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai thành phố có nhiệm vụ giúp UBND Thành phố xây dựng phương án thực hiện, triển khai Kế hoạch này và chỉ đạo UBND các cấp, các ngành thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 đúng chất lượng, tiến độ thời gian theo quy định, tổ chức thực hiện nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng của cấp huyện và lập hồ sơ báo cáo UBND Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo được thành lập, gồm các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Cục Thống kê Thành phố; chịu trách nhiệm giúp việc Ban chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chuẩn bị tài liệu, biểu mẫu; tuyên truyền phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, cung cấp bản đồ nền, phần mềm cho cấp huyện, cấp xã chuẩn bị vật tư kỹ thuật phục vụ kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Thành phố.

- Bố trí đủ cán bộ có năng lực chuyên môn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; cán bộ địa chính cấp xã thực hiện; Hướng dẫn UBND cấp huyện để đảm bảo lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức kiểm tra nghiệm thu kết quả kiểm kê của cấp huyện, tổng hợp và phân tích số liệu, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập báo cáo tình hình sử dụng đất, biến động sử dụng đất trình UBND Thành phố và báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo thời gian quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí kiểm kê đất đai trên toàn Thành phố theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên Môi trường trình UBND Thành phố;

3. Các sở, ngành

- Sở Tài chính thẩm tra dự toán kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trình UBND Thành phố phê duyệt; cân đối bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí theo phân cấp ngân sách Thành phố.

- Các Sở Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Cục Thống kê Thành phố, cứ: 01 Lãnh đạo đơn vị tham gia Ban chỉ đạo và 01 cán bộ tham gia Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; giúp UBND Thành phố xây dựng phương án và chỉ đạo UBND các cấp, các ngành thực hiện đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ quy định.

4. UBND cấp huyện

UBND cấp quận, huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và phối hợp với các ngành của quận, huyện chỉ đạo UBND phường, xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đúng tiến độ và thời gian quy định.

- Phối hợp với Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai Thành phố để tổ chức Hội nghị tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các ngành của quận, huyện và phường, xã, thị trấn. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ và quá trình kiểm tra nghiệm thu kết quả kiểm kê của cấp huyện.

- Bố trí lực lượng chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc và hướng dẫn phường, xã, thị trấn thực hiện; phát, thu thập xử lý phiếu điều tra, tổ chức kiểm tra nghiệm thu kết quả kiểm kê của phường, xã, thị trấn, tổng hợp số liệu, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập báo cáo kết quả kiểm kê theo đúng quy định; báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường. Bố trí kinh phí để thực hiện theo phân cấp ngân sách và chỉ đạo của UBND Thành phố.

5. UBND cấp xã

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện trong việc thực hiện kiểm kê đất đai trên địa bàn, mỗi phường, xã, thị trấn thành lập một tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tại phường, xã, thị trấn, tổng hợp số liệu, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập báo cáo kết quả kiểm kê theo đúng quy định; báo cáo kết quả về phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện đảm bảo yêu cầu và thời gian quy định.

VI. Kế hoạch thực hiện

Thời gian thực hiện: Từ 01/8/2019 đến 15/4/2020.

- Đối với các đơn vị hành chính cấp xã: Từ ngày 01/8/2019 đến hết ngày 15/01/2020;

- Đối với các đơn vị cấp huyện: Từ ngày 16/01/2020 đến hết ngày 28/02/2020;

- Tổng hợp toàn Thành phố: Từ ngày 01/3/2020 đến hết ngày 15/4/2020.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
<i>Giai đoạn I - Công việc phục vụ kiểm kê đất đai</i>	
1. Lập và trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai cấp thành phố và tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.	Quý III, IV/2019
2. Chuẩn bị các văn bản và tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.	
3. Thuê đơn vị tư thực hiện kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu có).	
4. Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cấp xã, huyện.	
5. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.	
<i>Giai đoạn II – Triển khai thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019</i>	
1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã năm 2019; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm cấp xã	Quý III, VI/2019
2. Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp huyện.	Từ 17/01 đến trước 01/3
3. Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai; Phân tích, đánh giá biến động trong sử dụng đất đai; lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp thành phố.	Từ 01/3 đến trước 16/4
4. Lập báo cáo tổng hợp, thẩm định số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp thành phố, nộp Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Hoàn thành trước 16/4/2020

VII. Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Kinh phí kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước bảo đảm; chi cho các công việc: xây dựng kế hoạch, phương án, chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn cho các quận, huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn; in ấn tài liệu, biểu mẫu, tổ chức thực hiện, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiểm tra nghiệm thu; báo cáo kết quả; tổng kết, công bố kết quả.

Việc bố trí ngân sách nhà nước bảo đảm các nhiệm vụ do Thành phố, cấp huyện, xã thực hiện; theo phân cấp ngân sách hiện hành./.

Nơi nhận:

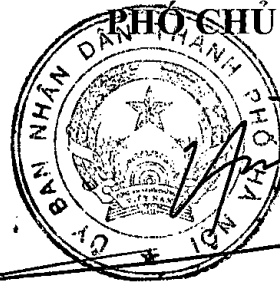
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
(để báo cáo)
- Các PCT UBND Thành phố;
- Bộ Tư lệnh Thủ đô;
- Công an Thành phố;
- Các Sở: TN&MT, TC, KH&ĐT, NN&PTNT, XD, CT, QHKT, GTVT, NV;
- Cục Thống kê;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: PCVP Võ Tuấn Anh, ĐT, KT;
- Lưu: VT, ĐTLtdiep.

25005-17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng